

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chính

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N T T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp H T, xã H H, huyện G R, tỉnh K G.

2. *Bị đơn:* Anh N V T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp H T, xã H H, huyện G R, tỉnh K G.

(các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N T T trình bày:***

Chị và anh T tự tìm hiểu và kết hôn vào tháng 04/2013. Có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2015 tại UBND xã H H, huyện G R, tỉnh K G.

Kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T chơi cờ bạc, đá gà. Chị có khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi. Anh gây ra nợ nên chị phải đi làm công nhân để có tiền trả số nợ do anh thiếu người khác và anh chị đã ly thân khoảng tháng 01/2022 đến nay. Xét thấy, chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung là N V M, sinh ngày 08/07/2015 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N V T trình bày:***

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân phát sinh mâu là do vợ chồng không hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày không có hạnh phúc. Đối với yêu cầu của chị T anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên N V M, sinh ngày 08/07/2015, đang sống chung với chị T. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao con cho T được quyền tiếp tục nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, gồm có: Tiền bán heo 34.000.000 đồng; tiền hót hụi 24.000.000 đồng. Vàng một bộ vòng Ximen vàng 18k có 14 chiếc trị giá 54.000.000 đồng, 01 dây vàng 18k trị giá 17.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bột trị giá 6.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24k trị giá 5.000.000 đồng; ngoài ra mẹ là bà P T B T thiếu nợ hụi 7.000.000 đồng; 01 chiếc xe Vision trị giá 34.000.000 đồng do chị T đang sử dụng; 01 chiếc xe Longgin trị giá 3.500.000 đồng do anh đang sử dụng. Toàn bộ số tài sản này, anh yêu cầu chia đôi sử dụng.

Riêng 01 công đất của cha anh cho mượn canh tác thì trả lại cha anh. Chân hụi anh đã bán cho người khác không còn nên không phải chia.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Quá trình chung sống chị T xác định do anh T không lo làm ăn, chị T đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng anh T không sửa đổi, nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh nữa và anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không đề nghị. Anh T có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không làm đơn phản tố và đóng tiền án theo thông báo của Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, có đủ điều kiện theo quy định thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong một vụ việc khác.

Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nên căn khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị N T T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N V T. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại vào ngày 10/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H H, huyện G R, tỉnh K G nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình.

Anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2022 thì chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do anh T chơi cò bạc, không lo làm ăn. Kể từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Do đó, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh và chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T thừa nhận có 01 người con chung là N V M, sinh ngày 08/7/2015.

Anh T đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

[2.3]. Về tài sản chung:

Chị T xác định không có: Không yêu cầu giải quyết.

Anh T yêu cầu chia tài sản chung, nhưng anh không làm đơn phản tố và đóng tạm ứng án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, có đủ điều kiện theo quy định thì anh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong một vụ việc khác.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Chị N T T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008487 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G R. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N T T được ly hôn với anh N V T.

2. Về con chung: Ghi nhận cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N V M, sinh ngày 08/7/2015, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

3. Về tài sản chung:

- Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Anh T yêu cầu chia tài sản chung, nhưng anh không làm đơn phản tố và đóng tạm ứng án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp, có đủ điều kiện theo quy định thì anh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong một vụ việc khác.

4. Về nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Án phí: Chị N T T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008487 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện G R. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Quyền kháng cáo: Chị N T T và anh N V T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 26 tháng 7 năm 2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**Lê Văn Hồng Chính**